

**CÔNG TY CỔ PHẦN LUCKY SHINE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LUCKY SHINE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUCKY SHINE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LUCKY SHINE., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107991346

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 55, ngõ 12 Lương Khánh Thiện, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976.691.266

Fax:

Email: [luckyshine8668@gmail.com](mailto:luckyshine8668@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4321        |
| 3.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2023        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời | 4290        |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322        |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4649(Chính) |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng nền móng tòa nhà, gồm đóng cọc,<br>- Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>- Chồng ầm các tòa nhà,<br>- Chôn chân trụ,<br>- Xây gạch và đặt đá,<br>- Lợp mái bao phủ tòa nhà,<br>- Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng đỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng. | 4390 |
| 11. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 4772 |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4773 |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                  | 4789 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                             | 8299 |
| 15. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3320 |
| 16. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4100 |
| 17. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220 |
| 18. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8292 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HÀ MY       | Số nhà 19, tổ dân phố số 4 Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    | 013574640                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                   | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN THẮNG  | Số nhà 22, TDP 15, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    | 019080000009                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                   | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN NHÔNG NHUNG | Số nhà 19, tổ dân phố số 4 Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 60,000    | 001194003735                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                   | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông       | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TIẾN THẮNG | Số nhà 22, TDP 15, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000                                                             | 15,000    | 019080000009                                                                                                  |         |
|     |                   |                                                                                   | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000                                                             | 15,000    |                                                                                                               |         |
|     |                   |                                                                                   |                   |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NHỜNG NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 04/12/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001194003735

Ngày cấp: 09/09/2015

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 19, tổ dân phố số 4 Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 19, tổ dân phố số 4 Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội